

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 74/2023/DS-PT

Ngày 27-4-2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang

Các Thẩm phán: ông Đặng Văn Quyết và ông Nguyễn Văn Ngữ;

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông
Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLPT- DS ngày 21 tháng 03 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐ-PT ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1961. Địa chỉ: số 17, đường Y, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: anh Lê Phương N, sinh năm 1977. Địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Lê Phương N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Hồng Th trình bày: ông với anh Lê Phương N có quan hệ xã hội. Anh N có vay của ông tổng số tiền 400.000.000 đồng, các lần vay cụ thể: ngày 21/01/2017, anh N vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 17/10/2017, anh N vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay, anh N có viết giấy nhận nợ. Giấy vay tiền không thỏa thuận tiền lãi nhưng thực tế thì anh N có thanh toán tiền lãi cho ông nên ông xác định đây là khoản vay có lãi. Sau khi vay tiền của ông thì anh N không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông. Nhiều lần ông đòi nhưng anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 22/8/2021, anh N có viết giấy hẹn trả nợ theo đó anh N hẹn cuối tháng 01/2022 trả 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần cho ông cho đến hết. Đến hẹn, anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông yêu cầu anh Lê Phương N phải trả cho ông 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm. Tổng tiền lãi ông yêu cầu anh N trả là 224.100.000 đồng, cụ thể:

+ Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 21/01/2017: thời gian tính lãi từ ngày 21/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2023 là 05 năm 11 tháng 28 ngày.

+ Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 17/10/2017: thời gian tính lãi từ ngày 17/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2023 là 05 năm 03 tháng 02 ngày.

Bị đơn - anh Lê Phương N trình bày: giữa anh với ông Th có quan hệ xã hội, thỉnh thoảng anh có vay tiền của ông Th, có khoản vay đã trả cho ông Th. Từ khoảng năm 2017-2018, anh có vay của ông Th tổng số tiền 400.000.000 đồng, anh có ký nhận nợ với ông Th. Về thời hạn vay các bên không thỏa thuận, khi nào có thì anh trả cho ông Th. Khoảng tháng 5/2017, ông Th có gọi điện cho anh yêu cầu trả tiền, nên anh đã trả cho ông Th 100.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6/2018, ông Th có gọi điện cho anh và yêu cầu trả tiền nhưng anh chưa thu xếp được nên không có tiền để trả cho ông Th. Sau đó thì thỉnh thoảng ông Th có gọi điện cho anh để yêu cầu trả nợ nhưng anh chưa có tiền để trả. Anh xác nhận còn

nợ ông Th tổng số 300.000.000 đồng. Nhiều lần anh vay tiền của ông Th nhưng các bên không thỏa thuận tiền lãi trong giấy vay tiền nhưng khi thanh toán thì anh có thanh toán cả tiền lãi cho ông Th.

Ngày 22/8/2021, anh có viết giấy hẹn trả nợ ông Th, giấy hẹn có viết nợ số tiền 400.000.000 đồng nhưng thực tế anh chỉ còn nợ ông Th 300.000.000 đồng, do ông Th bảo anh còn nợ 400.000.000 đồng nên anh đã viết giấy hẹn trả khoản tiền 400.000.000 đồng. Chữ ký và chữ viết trong các giấy nhận nợ do ông Th cung cấp là của anh. Anh chỉ đồng ý trả cho ông Th số tiền gốc 300.000.000 đồng. Còn tiền lãi thì đề nghị ông Th cho anh xin.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Xử: Buộc ông Lê Phương N phải trả cho ông Nguyễn Hồng Th tổng số tiền là 624.100.000 đồng

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/02/2023, bị đơn anh Lê Phương N kháng cáo đề nghị xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để đảm bảo quyền lợi của anh.

Tại phần thủ tục phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần thủ tục hỏi tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó anh N có trách nhiệm thanh toán trả ông Th 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu) tiền gốc và trả làm hai lần. Anh N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS, các đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền nghĩa vụ. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của anh N, xét tại phiên tòa phúc thẩm các

đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của BLTTDS, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung vụ án và kháng cáo của anh N, HĐXX thấy:

[1.1]. Căn các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định anh Lê Phương N có vay của ông Nguyễn Hồng Th hai lần với tổng số tiền gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Nhiều lần ông Th yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Anh N trình bày đã trả cho ông Th được 100.000.000 đồng vào khoảng tháng 5/2017 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngày 22/8/2021, anh N tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ ông Th số tiền gốc 400.000.000 đồng. Như vậy, anh N trình bày chỉ còn nợ ông Th 300.000.000 đồng tiền gốc là không có căn cứ. Nay ông Th yêu cầu anh N trả số tiền gốc đã vay 400.000.000 đồng. Án sơ thẩm buộc anh N phải thanh toán trả ông Th số tiền gốc trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần thủ tục hỏi, ông Th rút yêu cầu anh N phải trả tiền lãi cho khoản vay 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng này. Ông Th và anh N tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó ông Th và anh N thống nhất, anh N có trách nhiệm trả ông Th 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng tiền gốc đã vay. Cụ thể: lần thứ nhất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 27/4/2023, anh N thanh toán trả ông Th 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; Lần thứ hai, trong thời hạn 14 tháng kể từ ngày 27/4/2023, anh N thanh toán trả nốt 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tiền gốc còn lại. Anh Lê Phương N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận. Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và sửa bản án sơ

thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

[2]. Về án phí: anh Lê Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử: sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS – ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hồng Th và anh Lê Phương N. Anh N có trách nhiệm thanh toán trả ông Th 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng tiền gốc đã vay. Thời hạn thanh toán cụ thể:

Lần thứ nhất: trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 27/4/2023, anh Lê Phương N thanh toán trả ông Nguyễn Hồng Th số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

Lần thứ hai: trong thời hạn 14 tháng kể từ ngày 27/4/2023, anh Lê Phương N thanh toán trả ông Nguyễn Hồng Th số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng còn lại;

2. Đình chỉ yêu cầu anh Lê Phương N phải trả lãi cho ông Nguyễn Hồng Th đối với khoản tiền vay trên.

3. Về án phí: Anh Lê Phương N phải chịu 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0002511 ngày 01/03/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang